

THỰC TRẠNG VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC KỸ NĂNG VẬN ĐỘNG CỦA TRẺ TỰ KỶ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Phan Ngọc Thiết Kế*
Nguyễn Việt Tuấn**

Tóm tắt:

Trên cơ sở điều tra, tìm hiểu, bài viết tập trung làm rõ thực trạng nhận thức của giáo viên (GV) và phụ huynh (PH) của trẻ tự kỷ (TTK) học tại các trường mầm non và trung tâm can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập về thực trạng giáo dục kỹ năng vận động cho TTK, Những thuận lợi, khó khăn và những mong muốn của GV, PH trong quá trình giáo dục kỹ năng vận động cho TTK đồng thời chỉ ra những yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng vận động cho TTK tại thành phố Đà Nẵng.

Từ khóa: Kỹ năng vận động, giáo viên, trẻ tự kỷ, Đà Nẵng.

Situation and factors affecting motor skills education for autistic children in Danang City

Summary: Basing on the basis of investigation and investigation, the article focuses on clarifying the cognitive status of teachers and parents of autistic children who study in preschools and centers. The schools and centers are aimed for early intervention and public-generalized education. The advantages, difficulties and teacher-and-parents' expectation in the process of educating motor skills for autistic children has pointed out basic factors affecting motor skills education for autistic children in Danang city.

Keywords: Motor skills; Teacher; Autistic children; Danang.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đa số TTK đều gặp khó khăn về vận động, trong đó có khoảng 1/3 số trẻ thuộc thể I, khó hoạt hóa được hoạt động vận động của cơ thể trẻ; 2/3 số trẻ thường tăng năng động và khó khăn trong việc tự kiểm soát hành vi của mình; thêm vào đó là vấn đề khó khăn trong khả năng điều hòa cảm giác cơ thể. Vì vậy, tác động đến vận động là điều đầu tiên cần thực hiện để giúp trẻ giữ cơ thể trong trạng thái cân bằng để có thể hoạt động, học tập và làm việc hiệu quả.

Hầu hết TTK gặp khó khăn trong việc xác định tính mục đích của hoạt động. Vận động ở TTK thường tự phát mà chính bản thân trẻ cũng không kiểm soát được.

Vận động là kỹ năng nền tảng góp phần giúp TTK kiểm soát hành vi, hoạt hóa hành vi - vận động, đẩy nhanh hoặc kiểm soát tốc độ và khả năng tư duy... Quá trình học tập và rèn luyện của trẻ sẽ diễn ra hiệu quả hơn.

Do vậy, để giúp cho các nhà chuyên môn, các nhà quản lý giáo dục có cơ sở nhìn nhận và có những định hướng thay đổi trong thời gian tới để đẩy mạnh phát triển kỹ năng vận động (KNVD) của TTK, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho TTK trong các trường và trung tâm can thiệp sớm tại thành phố Đà Nẵng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “Thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục KNVD của TTK tại thành phố Đà Nẵng.”

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát, phương pháp phỏng vấn, phương pháp xã hội học và phương pháp toán thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

1.1. Đánh giá về những hạn chế của trẻ tự kỷ

*ThS, Đại học Đà Nẵng

**TS, Đại học TĐTT Đà Nẵng

BÀI BÁO KHOA HỌC

Về những hạn chế từ chính bản thân trẻ, cả GV và PH đều đưa ra 3 hạn chế lớn nhất đó là: Tương tác xã hội, ngôn ngữ - giao tiếp, hành vi (kết quả tại bảng 1). Trên thực tế, những hạn chế này gây ra rất nhiều bất lợi cho trẻ khi tham gia vào môi trường lớp học như: Không chủ động chào hỏi GV (GV có thể cho rằng đây là HS hư), không chơi cùng bạn, tranh giành đồ chơi với bạn, không chủ động mở lời để giao tiếp với bạn hoặc khi phát ngôn thì lại hay nói

ngược hoặc nói câu không đúng hoàn cảnh, có những hành vi kì quặc như xoay người, lắc lư đầu, cầu bạn, tự xâm hại bản thân, gào thét và khóc lóc ngay trong lớp... Những biểu hiện này khiến trẻ rất khó được chấp nhận khi đi học ở trường hòa nhập.

1.2. Nhận thức của giáo viên và phụ huynh về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc chuẩn bị kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

Bảng 1. Những hạn chế của trẻ tự kỷ

TT	Hạn chế của trẻ	GV (n=80)			PH (n=50)		
		TB	SD	Thứ bậc	TB	SD	Thứ bậc
1	Các KN vận động	0.23	0.43	6	0.22	0.42	6
2	KN tự phục vụ	0.33	0.48	5	0.31	0.47	5
3	Tương tác xã hội	0.80	0.41	1	0.66	0.48	2
4	Ngôn ngữ - giao tiếp	0.60	0.50	2	0.79	0.40	1
5	Nhận thức	0.37	0.49	4	0.34	0.48	4
6	Hành vi	0.53	0.43	3	0.51	0.50	3
7	Giác quan	0.13	0.48	7	0.14	0.36	7

Bảng 2. Nhận thức của giáo viên, phụ huynh đối với việc giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

Mức độ	Giáo viên (n=80) (%)	Phụ huynh (n=50) (%)	Chung (n=130) (%)
Rất quan trọng	73.33	74.29	73.85
Quan trọng	26.67	25.71	26.15
Ít quan trọng	0	0	0
Không quan trọng	0	0	0

Kết quả bảng 2 cho thấy: Cả PH và GV đều đánh giá rất cao việc dạy KNVD cho TTK mức nhẹ và trung bình, ở mức rất quan trọng đạt 73.85%; kết quả chung của hai nhóm đánh giá ở mức quan trọng là 26.15 %. Kết quả này phản ánh nhận thức tiến bộ cũng như kì vọng rất cao của PH và GV đối với việc giáo dục KNVD cho TTK.

Nhìn chung, đánh giá về mức độ quan trọng của việc dạy KNVD cho TTK mức nhẹ và trung

bình của GV và PH là tương đương nhau. Đánh giá của PH cao hơn, bởi họ là những người luôn đặt kì vọng vào sự phát triển của con mình nhiều nhất nên họ chọn mức rất quan trọng nhiều hơn là lẽ tất yếu.

1.3. Nhận thức về nội dung giáo dục phát triển kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

Kết quả phỏng vấn GV và PH về nội dung giáo dục phát triển KNVD cho TTK được trình bày tại bảng 3.

Bảng 3. Nhận thức của giáo viên và phụ huynh về nội dung giáo dục phát triển kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

TT	Nội dung giáo dục	Khách thể	Ý kiến đánh giá (%)		
			Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Kỹ năng đi, chạy và thăng bằng	GV (n=80)	94.69	5.31	0
		PH (n=50)	86.72	13.28	0
2	Kỹ năng bò, trườn, trèo	GV (n=80)	92.92	7.08	0
		PH (n=50)	84.07	15.94	0
3	Kỹ năng ném, chuyền và bắt	GV (n=80)	90.26	9.74	0
		PH (n=50)	81.41	18.59	0
4	Kỹ năng nhảy – bật	GV (n=80)	89.38	10.62	0
		PH (n=50)	80	20	0
5	Kỹ năng tinh phối hợp tay – mắt.	GV (n=80)	96.46	3.54	0
		PH (n=50)	90	10	0

Kết quả bảng 3 cho thấy: Tỷ lệ khá cao GV và PH nhận thức đúng về những kỹ năng vận động cần quan tâm và giáo dục phát triển cho TTK, nhận thức được sự cần thiết giáo dục nội dung phát triển KNVD cho TTK. Việc sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu cho biết, lí do một số GV & PH còn phân vân việc hình thành các kỹ năng cho trẻ tự kỷ là chưa có nhiều thời gian

dành riêng cho trẻ, không chắc chắn vào khả năng của bản thân, thiếu niềm tin vào sự thành công của trẻ và sự thiếu đồng bộ giữa cơ sở vật chất, đồ dùng dạy học, thiếu giáo viên...

1.4. Thực trạng giáo viên đang sử dụng các phương pháp giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

Bảng 4. Thực trạng mức độ sử dụng và hiệu quả các phương pháp giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

TT	Phương pháp giáo dục KNVD	Mức độ sử dụng			Hiệu quả		
		TB	SD	Thứ bậc	TB	SD	Thứ bậc
1	Sử dụng các phương pháp chuyên biệt dành cho trẻ tự kỉ	0.93	0.78	6	0.60	0.72	7
2	Xây dựng kế hoạch giáo dục cá biệt hoá (IEP)	0.70	0.75	8	0.43	0.63	9
3	Khuyến khích, khen thưởng	1.93	0.25	3	1.87	0.35	1
4	Trách phạt	1.80	0.41	4	1.47	0.73	2
5	Thị phạm	2.00	0.00	1	1.40	1.72	3
6	Phân tích kết hợp thị phạm	2.00	0.00	1	1.17	0.60	4
7	Phương pháp tăng tiến	0.07	0.25	13	0.10	0.40	13
8	Sử dụng giáo cụ trực quan	0.93	0.78	6	0.87	0.90	6
9	Kết hợp số hoá giáo trình giảng dạy	0.47	0.73	10	0.40	0.42	10
10	Phương pháp đóng vai	0.50	0.75	8	0.33	0.71	11
11	Phương pháp trò chơi	0.50	0.73	9	1.13	0.82	5
12	Phương pháp dạy học khám phá	0.37	0.61	11	0.28	0.63	14
13	Phương pháp dạy học trải nghiệm	1.47	0.63	5	0.47	0.73	8
14	Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề	0.33	0.71	12	0.30	0.53	12

Qua bảng 4 cho thấy: GV đã biết sử dụng khá phong phú các phương pháp dạy học (PPDH) khác nhau để giáo dục KNVĐ cho TTK. Tuy nhiên, mức độ sử dụng mỗi phương pháp lại khác nhau. Qua bảng trên ta thấy: Các PPDH Phân tích kết hợp thị phạm, Thị phạm, Khen thưởng, Trách phạt, Phương pháp dạy học trải nghiệm là các phương pháp được giáo viên sử dụng nhiều nhất trong quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK. Trong đó, PPDH Phân tích kết hợp thị phạm, Thị phạm và Khen thưởng được các GV sử dụng nhiều hơn cả bởi theo họ đó là các phương pháp đơn giản, không mất thời gian chuẩn bị, thiết kế và có khả năng tác động tức thì tới trẻ. Tiếp theo là các Phương pháp Trách phạt và Dạy học trải nghiệm, đây là hai phương pháp thường được sử dụng nhằm làm giảm các hành vi không mong muốn ở trẻ. Còn phương pháp Sử dụng giáo cụ trực quan và Kết hợp số hoá giáo trình giảng dạy giúp trẻ hiểu rõ hơn trong hình thành KN nhưng phương pháp này đòi hỏi GV phải chuẩn bị nhiều thời gian hơn nên ít được GV lựa chọn mặc dù họ vẫn biết được ý nghĩa quan trọng của phương pháp này. Khi phỏng vấn sâu chúng tôi được biết, phương pháp Xây dựng kế hoạch giáo dục cá biệt hoá (IEP) ít được sử dụng là do GV không có thời gian để đầu tư xây dựng và dạy tiết cá nhân cho các trẻ, chỉ một số trẻ theo học cá nhân thì sẽ được học các bài tập có sẵn, cũng chưa có sự xây dựng sao cho phù hợp với đặc điểm của từng trẻ. Việc áp dụng các phương pháp giáo dục chuyên biệt dành cho TTK được một số ít GV sử dụng. Qua phỏng vấn sâu, các GV cho biết các phương pháp này chỉ được học sơ đẳng ở đại học, còn lại là GV tự đọc tài liệu nhưng khả năng ngoại ngữ có hạn nên họ chỉ đọc được một số ít các tài liệu đã dịch sang tiếng Việt, hoặc được học qua một số khóa học ngắn hạn, qua thực tế làm việc và rút kinh nghiệm của bản thân, học hỏi qua đồng nghiệp. Do vậy, việc áp dụng các phương pháp chuyên biệt như phương pháp tâm vận động, ABA, TEACCH, PECS chính là việc các GV đã sử dụng các phương pháp Khen thưởng, Trách phạt hoặc Hình ảnh hóa thông tin. Mỗi nơi có một cách thực hiện khác nhau do nhận thức, hiểu biết của các GV về các phương pháp này khác nhau.

Bàn luận thêm về những thuận lợi, khó khăn và những mong muốn của GV, PH trong quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK.

Về phía GV: Hầu hết các GV đều đưa ra những thuận lợi như được trung tâm/ nhà trường quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, tạo điều kiện về thời gian để đi học nâng cao trình độ chuyên môn, được PH hiểu và cảm thông cho những khó khăn và vất vả của họ, nhiều PH thường xuyên trao đổi hàng ngày với GV về tình hình học tập, giáo dục KNVĐ ở nhà cho con. Mặt khác, họ cũng đưa ra những khó khăn như: chưa có chương trình chung cho lớp, GV tự biên soạn; trách nhiệm công việc nặng nề vì chỉ có 2GV/10 – 15 HS/lớp (GV phải quản lý quá nhiều HS, thường xuyên phải làm kế hoạch, chuẩn bị đồ dùng dạy học phù hợp và vẫn đảm nhiệm các tiết cá nhân khác,...), áp lực nâng cao trình độ chuyên môn vì họ cần học thêm về giáo dục tiểu học để hiểu biết về cách thức dạy các nội dung học tập của giáo dục tiểu học cũng như học tập thêm các phương pháp, chương trình giáo dục đặc biệt; gánh nặng “cơm áo gạo tiền” và chăm sóc con cái mất nhiều thời gian bởi vì hầu hết GV đều là nữ và còn trẻ nên vẫn còn ở độ tuổi sinh con và chăm sóc con nhỏ nhưng vẫn phải đi dạy thêm buổi tối để đáp ứng đủ cho cuộc sống gia đình và con còn nhỏ nên mất khá nhiều thời gian và sức lực để đi làm thêm sau khi làm việc trên trường/trung tâm. GV phải tự lực chủ động tìm kiếm cách thức giáo dục KNVĐ cho trẻ. Và hiện tại cũng chưa kết nối được với các trường MN hòa nhập nơi trẻ đang học để phối hợp cùng với GVMN trong giáo dục KNVĐ cho trẻ. Bên cạnh những PH tích cực, cũng có không ít PH không chủ động trao đổi, chia sẻ về việc giáo dục con ở nhà, một số PH “gửi trọn niềm tin” nơi GV, một số PH thuê xe ôm đưa đón con mà không quan tâm tới con.

Về phía PH: Những thuận lợi được PH liệt kê gồm có: được nâng cao nhận thức về TTK và phương pháp, biện pháp giáo dục TTK qua các khóa tập huấn, chia sẻ chuyên môn của các cán bộ, GV có chuyên môn từ phía trung tâm/trường chuyên biệt; Các GV yêu nghề, yêu trẻ, hợp tác chặt chẽ với gia đình cùng giáo dục con. Bên cạnh đó, các PH cũng đưa ra khá nhiều khó khăn như: Chi phí giáo dục cao do gia đình vừa cho

con đi học mẫu giáo, vừa cho học lớp tiền học đường và cả cho con học thêm ở nhà. Áp lực học hành của con cũng đè nặng lên vai bố mẹ; cái nhìn chưa đúng của xã hội đối với TTK, thời gian đưa đón con đi học các nơi tốn rất nhiều thời gian; Trong gia đình chưa thống nhất cách giáo dục con; PH ít được tập huấn về cách giáo dục KNVĐ cho trẻ...

2. Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình

giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

Để tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK. Kết quả cho thấy, vấn đề giáo dục KNVĐ chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, nhưng chủ yếu là các yếu tố sau: Bản thân trẻ, GV, gia đình, trung tâm chuyên biệt.

Cả GV và PH đều cho rằng, những khó khăn

Bảng 5. Những yếu tố từ trẻ tự kỷ ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

TT	Các yếu tố từ trẻ	Giáo viên (n=80) (%)	Phụ huynh (n=50) (%)	Chung (n=130) (%)
1	Vận động	86.67	65.71	75.38
2	Nhận thức	100	100	100
3	Ngôn ngữ	63.33	80	72.31
4	Tương tác xã hội	70	91.43	81.54
5	Hành vi	100	100	100
6	Giác quan	53.33	34.29	43.08
7	Khác: Sở thích, điểm mạnh	73.33	65.71	69.23

từ bản thân trẻ là những yếu tố cơ bản ảnh hưởng trực tiếp việc giáo dục KNVĐ cho trẻ, trong đó các yếu tố cơ bản là khiếm khuyết trong tương tác xã hội, hành vi rập khuôn, định hình; nhận thức, vận động, giác quan, ngôn ngữ. Những hạn chế đó được thể hiện ra bên ngoài rất rõ nét như: Chơi một mình và chơi theo cách riêng, nói nhảm, nói nhại lời, nói những câu không liên quan đến chủ đề giao tiếp, khó duy trì tập trung chú ý, không kiểm soát được hành

vi xâm hại bản thân hoặc người khác, nhận thức gặp nhiều hạn chế... Với những TTK ở mức độ nặng và rất nặng, các GV đều cho rằng rất khó có thể giáo dục KNVĐ cho trẻ, những trẻ này nên tiếp tục học ở trung tâm chuyên biệt để được giáo dục KN tự phục vụ và học nghề phù hợp; các trường hợp TTK ở mức độ nhẹ và vừa nếu được giáo dục KNVĐ thì có khả năng các em sẽ đạt được các KNVĐ cơ bản được thuận lợi và dễ dàng hơn.

Bảng 6. Những yếu tố từ giáo viên ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

TT	Các yếu tố từ GV	Giáo viên (n=80) (%)	Phụ huynh (n=50) (%)	Chung (n=130) (%)
1	Năng lực chuyên môn	96.67	91.43	93.85
2	Kỹ năng sư phạm	93.33	94.29	93.85
3	Lòng yêu nghề	86.67	82.86	84.62
4	Lòng yêu trẻ	90.00	88.57	89.23
5	Kinh nghiệm làm việc với TTK	83.33	85.71	84.62
6	Khác	40.00	25.71	32.31

Cả GV và PH đều cho rằng, yếu tố tác động trực tiếp đến công tác giáo dục KNVĐ cho TTK chính là người GV dạy trẻ. GV có vai trò rất quan trọng trong giáo dục KNVĐ cho trẻ, bởi GV chính là người đưa ra những cách thức, biện pháp, xây dựng những kế hoạch riêng (kế hoạch giáo dục cá nhân) để giáo dục KNVĐ cho trẻ theo từng học kì, từng tháng, từng tuần, trong từng buổi học. Nhìn vào bảng 6 ta thấy, yếu tố đầu tiên ảnh hưởng tới giáo dục KNVĐ cho TTK là yếu tố năng lực chuyên môn và KN sư phạm bởi GV phải là người rất sâu về chuyên môn, hiểu rõ các đặc điểm của TTK nói chung, hiểu rõ đặc điểm học sinh tự kỷ trong lớp nói riêng, hiểu rõ những hạn chế và điểm mạnh, sở thích của trẻ đồng thời phải hiểu rõ về các biện pháp, cách thức giáo dục trẻ và có những KN sư

phạm giáo dục đặc biệt... Tiếp theo là yếu tố yêu nghề, yêu trẻ vì yêu nghề, yêu trẻ cũng như có kinh nghiệm làm việc với TTK thì GV sẽ luôn nỗ lực tìm mọi biện pháp để giúp trẻ tiến bộ và sẽ có những tác động giáo dục phù hợp nhất với từng trẻ. Như vậy, các yếu tố về năng lực chuyên môn, KN sư phạm, lòng yêu nghề, yêu trẻ và kinh nghiệm làm việc với TTK sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình giáo dục KNVĐ của TTK. Tuy nhiên, trách nhiệm đặt lên vai họ cũng rất nặng nề: vừa là cô giáo vừa như mẹ hiền, vừa phải có trách nhiệm với sự tiến bộ hay không tiến bộ của trẻ. Ngoài ra, gánh nặng “cơm áo gạo tiền”, gánh nặng “chăm lo gia đình riêng” cũng là những nhiệm vụ to lớn mà những GV phải quan tâm. Như vậy, chúng ta có thể thấy, trách nhiệm của người GV rất nặng nề.

Bảng 7. Những yếu tố từ gia đình ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

TT	Các yếu tố từ gia đình	Giáo viên (n=80) (%)	Phụ huynh (n=50) (%)	Chung (n=130) (%)
1	Sự quan tâm chăm sóc cho trẻ	40.00	51.43	56.15
2	Tình yêu thương dành cho trẻ	63.33	71.43	67.69
3	Sự quan tâm giáo dục cho trẻ	96.67	80.00	87.69
4	Mong muốn/kì vọng của gia đình	73.33	82.86	78.46
5	Hiểu rõ khó khăn, điểm mạnh của trẻ	70.00	94.29	83.08

Kết quả bảng 7 cho thấy: Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK là: Sự quan tâm giáo dục cho trẻ; Hiểu rõ những khó khăn, điểm mạnh của trẻ; Mong muốn/kì vọng của gia đình hoặc gia đình không quan tâm đến trẻ đều sẽ ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực. Những yếu tố ảnh hưởng tích cực gồm: Việc hiểu rõ những khó khăn và điểm mạnh của trẻ; sự quan tâm giáo dục cho trẻ sẽ giúp gia đình có sự phối hợp chặt chẽ với trường hoặc trung tâm chuyên biệt nơi trẻ theo học. Yếu tố ảnh hưởng tiêu cực gồm: Gia đình không quan tâm sẽ làm hạn chế sự tiến bộ của trẻ bởi vì nếu gia đình không quan tâm thì trẻ sẽ không được giáo dục, hỗ trợ thêm ở nhà. Yếu tố mong muốn/kì vọng của gia đình sẽ là yếu tố tích cực hoặc tiêu cực tùy theo những mong muốn cụ thể của từng gia đình. Nếu như gia đình có mong

muốn quá cao so với khả năng của trẻ sẽ là yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình giáo dục KNVĐ cho trẻ. Nếu gia đình có mong muốn phù hợp với khả năng của trẻ thì sẽ là yếu tố tích cực cho quá trình giáo dục nói chung, giáo dục KNVĐ nói riêng.

Như vậy, các yếu tố từ gia đình là những yếu tố quan trọng giúp trẻ có thể tiến bộ hay không tiến bộ trong quá trình phát triển khả năng vận động cho trẻ, điều đó thể hiện qua việc gia đình có hiểu rõ con em mình, có sự quan tâm giáo dục để phối hợp cùng với GV để cùng giáo dục con theo cách thức mà GV đưa ra hay không và có những mong muốn/kì vọng phù hợp với khả năng của trẻ. Bởi vì trẻ được giáo dục ở mọi môi trường thì mới có thể đạt được hiệu quả giáo dục tốt nhất. Mặt khác, nếu gia đình không hiểu trẻ, không quan tâm giáo dục cho trẻ và có kì vọng quá cao với trẻ thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến

Bảng 8. Yếu tố từ trung tâm can thiệp ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng vận động cho trẻ tự kỷ

TT	Các yếu tố từ trung tâm can thiệp	Giáo viên (n=80) (%)	Phụ huynh (n=50) (%)	Chung (n=130) (%)
1	Môi trường vật chất trong lớp học	80	62.86	70.77
2	Môi trường tâm lí trong lớp học	93.33	88.57	90.77
3	Sự hỗ trợ từ bạn bè	93.33	82.86	87.69
4	Mục đích của lớp, nhóm	96.67	85.71	90.77
5	Khác	40	14.29	26.15

giáo dục KNVĐ cho trẻ.

Trung tâm can thiệp chính là cơ sở tổ chức các lớp học nhỏ giúp TTK có môi trường để chuẩn bị các KNVĐ cơ bản nhằm phát triển khả năng vận động cho trẻ được thuận lợi, kết quả bảng 8 cho thấy: 2 yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến giáo dục KNVĐ cho TTK là: mục đích của lớp nhóm (90.77%) và môi trường tâm lí trong lớp học (90.77%). Xếp ở vị trí thứ hai là yếu tố “sự hỗ trợ từ bạn bè” (87.69%), xếp ở vị trí thứ ba là “Môi trường vật chất trong lớp học” (70.77%). “Môi trường có tác động mạnh mẽ đến hành vi cư xử, một môi trường phức tạp (ồn ào, nóng bức...) có thể dẫn đến sự bùng phát về hành vi, một môi trường yên tĩnh sẽ luôn mang điềm tĩnh đến cho con người. Đây là điều hiển nhiên với mọi người và đặc biệt với trẻ mắc chứng tự kỉ”. “Các mối quan hệ xã hội và tình bạn rất quan trọng với tất cả các trẻ, bao gồm cả TTK. Sự vắng mặt của những mối quan hệ có ý nghĩa trong cuộc sống của mỗi người có thể rất có hại đối với sự phát triển trong chất lượng cuộc sống của mỗi người”^[3].

KẾT LUẬN

Về những khó khăn từ chính bản thân trẻ, cả GV và PH đều đưa ra 3 khó khăn lớn nhất của trẻ đó là: Tương tác xã hội, ngôn ngữ - giao tiếp, hành vi. Các GV và PH đều cho rằng giáo dục KNVĐ cho TTK là rất quan trọng và rất khó bởi lẽ, TTK là đối tượng trẻ có rất nhiều khiếm khuyết, gây ra rất nhiều bất lợi cho trẻ nếu muốn đi học ở trường hòa nhập. Tỷ lệ khá cao GV&PH nhận thức đúng về những kỹ năng cần quan tâm và giáo dục phát triển khả năng vận động cho TTK, nhận thức được sự cần thiết giáo dục nội dung phát triển khả năng vận

động cho TTK.

Các phương pháp mà GV lựa chọn nhiều và cũng đem lại hiệu quả giáo dục cao gồm: Phương pháp thị phạm, khen thưởng, trách phạt, phương pháp dạy học trải nghiệm và phương pháp tăng tiến. Tuy nhiên, trên thực tế do điều kiện khách quan và chủ quan từ phía GV, do tính phù hợp của các phương pháp chưa cao... nên kết quả thu được vẫn còn hạn chế.

Quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như: Bản thân trẻ, trình độ của GV, gia đình trẻ, trung tâm can thiệp. Các yếu tố này nếu có sự phối hợp với nhau nhịp nhàng sẽ đem lại lợi ích rất lớn cho trẻ, tuy nhiên nếu như các yếu tố này tách rời nhau thì tất yếu sẽ gây ra bất lợi cho trẻ. Quá trình giáo dục KNVĐ cho TTK, mỗi yếu tố lại có những ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp, tích cực hoặc tiêu cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Minh Huệ (2017), “Thực trạng nhận thức về giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỉ lứa tuổi mầm non tại khu vực miền núi phía Bắc”, *Tap chí Thiết bị giáo dục số 150 kỳ 1*, tr. 52-54
2. Dương Thiệu Tống (2000), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Greenspan S.I and Wieder S (2006), *Engaging Autism*, Da Capo, U.S.A.
4. 李翠玲.个别化教育计划(IEP)理念与实践[M].台湾:心理出版社, 2012.

(Bài nộp ngày 11/11/2020, phản biện ngày 17/11/2020, duyệt in ngày 4/12/2020
 Chịu trách nhiệm chính: Phan Ngọc Thiết Kế,
 Email: pnthietke@gmail.com)